

Số: 255/QĐ-CHK

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Sổ tay Hướng dẫn kiểm tra công tác bảo vệ môi trường
tại cảng hàng không, sân bay**

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21/11/2014;

Căn cứ Quyết định số 121/QĐ-BGTVT ngày 14/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 53/2012/TT-BGTVT ngày 25/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khoa học, công nghệ và môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Sổ tay Hướng dẫn kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Khoa học, công nghệ và môi trường, Giám đốc các Cảng vụ Hàng không, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Phó Cục trưởng;
- TCT Cảng HKVN;
- Lưu: VT, KHCNMT (tg 12bn).

Handwritten signature



Lại Xuân Thanh

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

**SỔ TAY HƯỚNG DẪN
KIỂM TRA CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**



Hà Nội, tháng 02/2017

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

SỔ TAY HƯỚNG DẪN
KIỂM TRA CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CẢNG HÀNG
KHÔNG, SÂN BAY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 255/QĐ-CHK ngày 16/02/2017 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam)

Những người biên soạn Sổ tay:

1. Ths. Vũ Thị Thanh – Phó Trưởng phòng Khoa học, công nghệ và môi trường, Cục Hàng không Việt Nam.
2. Ths. Vũ Thanh Tùng – Chuyên viên Phòng Khoa học, công nghệ và môi trường, Cục Hàng không Việt Nam.
3. Ths. Nguyễn Thị Mai Thanh – Chuyên viên Phòng Khoa học, công nghệ và môi trường, Cục Hàng không Việt Nam.

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
LỜI MỞ ĐẦU	3
CÁC CHỮ VIẾT TẮT	4
CHƯƠNG I. TRÌNH TỰ TỔ CHỨC KIỂM TRA CÔNG TÁC BVMT	5
1.1. Kiểm tra công tác BVMT có thành lập Đoàn	5
1.1.1. Bước 1 - Chuẩn bị	5
1.1.2. Bước 2 - Tiến hành kiểm tra	6
1.1.3. Bước 3 - Kết thúc kiểm tra	9
1.1.4. Bước 4 - Công tác xử lý sau kiểm tra	10
1.2. Kiểm tra công tác BVMT không thành lập Đoàn	13
1.2.1. Bước 1 - Chuẩn bị	13
1.2.2. Bước 2 - Tiến hành kiểm tra	13
1.2.3. Bước 3 - Kết thúc kiểm tra	13
1.2.4. Bước 4 - Công tác xử lý sau kiểm tra	13
1.3. Các hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả trong kiểm tra công tác BVMT	15
CHƯƠNG II. NỘI DUNG KIỂM TRA CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	16
2.1. Nội dung kiểm tra người khai thác CHK, SB	16
2.2. Nội dung kiểm tra các đơn vị hoạt động tại CHK, SB	16
2.3. Nội dung kiểm tra tại một số khu vực tại cảng HK, SB	17
2.3.1. Nội dung kiểm tra tại khu bay	17
2.3.2. Nội dung kiểm tra trong khu vực nhà ga, sân đỗ ô tô, đường nội cảng	17
2.4. Các nội dung kiểm tra công tác BVMT	17
2.4.1. Xây dựng và thực hiện báo cáo ĐTM, kế hoạch bảo vệ môi trường và Đề án BVMT chi tiết, đơn giản	17
2.4.2. BVMT đối với hoạt động khai thác tàu bay	19
2.4.3. Kế hoạch BVMT	20
2.4.4. Hạ tầng kỹ thuật BVMT	20
2.4.5. Bản đồ tiếng ồn và kiểm soát tiếng ồn tại CHK, SB	21
2.4.6. Quản lý nước thải và khai thác, sử dụng nước dưới đất	21
2.4.7. Quản lý chất thải rắn thông thường	22
2.4.8. Quản lý chất thải nguy hại	23
2.4.9. BVMT nơi công cộng	27

2.4.10. Quản lý khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung.....	27
2.4.11. An toàn bức xạ	28
2.4.12. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố tràn dầu.....	29
2.4.13. Bộ phận, cá nhân thực hiện công tác BVMT tại các doanh nghiệp nhà nước.....	30
2.4.14. BVMT trong giai đoạn thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hàng không.....	30
2.4.15. Trách nhiệm báo cáo về công tác BVMT trong hoạt động hàng không dân dụng.....	32
2.5. Danh mục tổng hợp các nội dung kiểm tra công tác BVMT tại CHK, SB....	32
CHƯƠNG III. TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG SỔ TAY	37

LỜI MỞ ĐẦU

Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các cảng hàng không, sân bay là một hoạt động được diễn ra thường xuyên nhằm phát hiện, ngăn ngừa các vi phạm trong hoạt động bảo vệ môi trường từ đó đưa ra các biện pháp xử lý, khắc phục, đảm bảo thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực hàng không.

Nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, Cục Hàng không Việt Nam đã biên soạn Sổ tay “Hướng dẫn kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các cảng hàng không, sân bay” (sau đây gọi tắt là Sổ tay). Sổ tay bao gồm các hướng dẫn về cách thức tổ chức kiểm tra và các nội dung kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong lĩnh vực hàng không trên cơ sở thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Đây là tài liệu tham khảo đối với các cán bộ, chuyên viên Cục Hàng không Việt Nam và các Cảng vụ Hàng không khi thực hiện chức năng kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, đồng thời cũng là tài liệu tham khảo đối với các doanh nghiệp trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Quá trình biên soạn Sổ tay có thể không tránh khỏi thiếu sót, vì vậy mọi ý kiến góp ý xin gửi về Cục Hàng không Việt Nam (qua Phòng Khoa học, công nghệ và Môi trường) để tiếp tục bổ sung, hoàn thiện.

Trân trọng.

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

- BVMT: Bảo vệ môi trường.
- Cục HKVN: Cục Hàng không Việt Nam.
- GTVT: Giao thông vận tải.
- CTR: Chất thải rắn.
- CTNH: Chất thải nguy hại.
- CHK, SB: Cảng hàng không, sân bay.
- ĐTM: Đánh giá tác động môi trường.
- ICAO: Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.
- Sở tay: Sở tay hướng dẫn kiểm tra, giám sát công tác BVMT.
- PCB: Polychlorinated Biphenyls (PCB là 1 trong số 22 nhóm hóa chất quy định trong Công ước Stockholm. PCB được sử dụng trong công nghiệp làm chất lỏng trao đổi nhiệt, trong biến thế và tụ điện, làm phụ gia trong sơn, giấy sao chụp không có các bon, chất bịt kín và nhựa. PCB gây tác động xấu đến hệ thần kinh, hệ sinh sản, hệ miễn dịch và gan).

CHƯƠNG I

TRÌNH TỰ TỔ CHỨC KIỂM TRA CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Hoạt động kiểm tra công tác BVMT tại CHK, SB được chia thành 02 loại: Kiểm tra công tác BVMT có thành lập Đoàn và kiểm tra công tác BVMT không thành lập Đoàn.

Kiểm tra công tác BVMT có thành lập Đoàn được thực hiện bởi Cục Hàng không Việt Nam, các Cảng vụ Hàng không và các cơ quan có thẩm quyền khác theo kế hoạch hoặc đột xuất và được thực hiện theo trình tự nhất định.

Kiểm tra công tác BVMT không thành lập Đoàn chủ yếu là công tác kiểm tra, giám sát hàng ngày hoặc đột xuất được tiến hành độc lập bởi các Cảng vụ Hàng không nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm về BVMT.

1.1. Kiểm tra công tác BVMT có thành lập Đoàn

Việc kiểm tra công tác BVMT có thành lập Đoàn được triển khai trong các trường hợp sau:

- Qua các báo cáo đánh giá, kết quả khảo sát về hiện trạng môi trường, hiện trạng quản lý môi trường của cơ sở có nội dung cần thiết phải được làm rõ.
- Nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc phản ánh của các tổ chức, cá nhân về hành vi vi phạm pháp luật về BVMT.
- Phát hiện hành vi có dấu hiệu hoặc nghi ngờ có dấu hiệu vi phạm pháp luật về BVMT.
- Chương trình kiểm tra công tác bảo vệ môi trường định kỳ của cơ quan.
- Chương trình kiểm tra đột xuất công tác bảo vệ môi trường.
- Theo chỉ đạo, yêu cầu của các cơ quan cấp trên.

1.1.1. Bước 1 - Chuẩn bị

a. Lựa chọn đối tượng kiểm tra, nội dung kiểm tra

- Đối tượng kiểm tra là các cơ quan, đơn vị hoạt động tại CHK, SB có phát sinh chất thải. Các nội dung kiểm tra bao gồm: Kiểm tra về xả nước thải, kiểm tra về CTNH, kiểm tra tổng thể công tác BVMT....

- Việc lựa chọn đối tượng kiểm tra, nội dung kiểm tra cần xác định dựa trên mục đích kiểm tra, các báo cáo đánh giá, kết quả khảo sát, đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, phát hiện, nghi ngờ có dấu hiệu vi phạm pháp luật về BVMT, Chương trình kiểm tra công tác BVMT đột xuất, định kỳ hoặc theo chỉ đạo, yêu cầu của các cơ quan cấp trên.

- Cần thu thập thông tin, phối hợp với các cơ quan liên quan khác để hạn chế tình trạng kiểm tra chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ trống về nội dung và đối tượng kiểm tra.

b. Báo cáo đề xuất thành lập Đoàn Kiểm tra

Căn cứ thông tin thu thập được, đơn vị chủ trì kiểm tra có trách nhiệm lập

báo cáo đề xuất thành lập Đoàn Kiểm tra và trình lãnh đạo cơ quan phê duyệt. Nội dung của báo cáo gồm:

- Thông tin về đối tượng kiểm tra.
- Đánh giá những vấn đề nổi cộm, những dấu hiệu vi phạm của đối tượng kiểm tra (nếu có).
- Mục đích kiểm tra.
- Nội dung kiểm tra.
- Phạm vi kiểm tra.
- Thời gian kiểm tra.
- Thành phần Đoàn Kiểm tra.
- Công tác tổ chức thực hiện: Phương tiện, trang thiết bị, kinh phí....

c. Quyết định thành lập Đoàn Kiểm tra.

Căn cứ vào Báo cáo đề xuất thành lập Đoàn Kiểm tra đã được phê duyệt, đơn vị chủ trì kiểm tra dự thảo và trình lãnh đạo cơ quan phê duyệt Quyết định thành lập Đoàn Kiểm tra.

d. Thông báo cho đơn vị được kiểm tra

Đơn vị chủ trì kiểm tra gửi văn bản thông báo hoặc ủy quyền gửi văn bản thông báo về kế hoạch kiểm tra cho đối tượng kiểm tra. Nội dung của thông báo bao gồm các thông tin sau: Thành phần Đoàn Kiểm tra; nội dung; thời gian, địa điểm kiểm tra; và các yêu cầu khác (nếu có).

e. Chuẩn bị hồ sơ, phương tiện kỹ thuật, kinh phí trước khi kiểm tra

Chuẩn bị các hồ sơ liên quan đến nội dung và đối tượng kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật liên quan; mẫu biên bản kiểm tra; danh mục các nội dung kiểm tra; bản tường trình; phương tiện liên lạc; phương tiện đi lại; kinh phí ăn ở....

1.1.2. Bước 2 - Tiến hành kiểm tra

a. Tuyên bố lý do kiểm tra

- Trưởng đoàn Kiểm tra tuyên bố lý do kiểm tra.
- Giới thiệu thành phần Đoàn Kiểm tra.
- Phổ biến chương trình làm việc của Đoàn Kiểm tra.

b. Thu thập thông tin, hồ sơ, tài liệu

- Đoàn Kiểm tra yêu cầu đối tượng kiểm tra báo cáo sơ bộ về hoạt động sản xuất và công tác BVMT của đơn vị.

- Đoàn Kiểm tra yêu cầu đối tượng kiểm tra trình hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra.

- Trong quá trình kiểm tra, nếu thấy cần thiết, Trưởng đoàn Kiểm tra hoặc thành viên Đoàn Kiểm tra tiếp tục yêu cầu đối tượng kiểm tra, các tổ chức, cá

nhân liên quan cung cấp thông tin, tài liệu bổ sung để phục vụ công tác kiểm tra.

- Tùy thuộc vào nội dung và mục đích kiểm tra, hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công tác BVMT có thể bao gồm:

(1) Hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác BVMT nói chung:

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Cam kết BVMT; Đề án BVMT chi tiết/đơn giản, Kế hoạch bảo vệ môi trường.

+ Kết quả thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng (nếu có).

+ Báo cáo môi trường định kỳ.

+ Quyết định phân công nhiệm vụ cán bộ phụ trách về môi trường.

+ Các thông báo, quy định nội bộ liên quan đến công tác BVMT.

(2) Hồ sơ, tài liệu liên quan đến quản lý chất thải rắn, CTNH:

+ Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải thông thường; chứng từ tài chính thanh toán về dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải thông thường.

+ Hồ sơ liên quan đến công nghệ và duy trì vận hành hệ thống xử lý chất thải.

+ Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

+ Hợp đồng chuyển giao CTNH với tổ chức, cá nhân có Giấy phép xử lý CTNH hoặc Giấy phép quản lý CTNH phù hợp.

+ Chứng từ CTNH.

+ Báo cáo định kỳ về CTNH.

(3) Hồ sơ, tài liệu liên quan đến khai thác nước dưới đất và xả thải:

+ Tài liệu liên quan đến hoạt động khai thác nước dưới đất.

+ Giấy phép khai thác nước dưới đất.

+ Các giấy tờ liên quan đến tiêu thụ nước.

+ Tài liệu liên quan đến công nghệ và duy trì vận hành hệ thống xử lý nước thải.

+ Tài liệu liên quan đến công nghệ và duy trì vận hành hệ thống xử lý nước cấp (nếu có).

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

+ Kết quả quan trắc định kỳ về nước thải.

+ Hợp đồng với đơn vị quan trắc môi trường có Giấy phép phù hợp.

(4) Hồ sơ liên quan đến khí thải, tiếng ồn, bức xạ... bao gồm:

+ Kết quả quan trắc chất lượng không khí, tiếng ồn....

+ Hợp đồng với đơn vị quan trắc môi trường có Giấy phép phù hợp.

- + Giấy phép tiến hành công việc bức xạ.
- + Giấy chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ cho nhân viên bức xạ.

c. Kiểm tra hồ sơ, tài liệu

- Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu, thông tin đã thu thập được, Đoàn Kiểm tra có trách nhiệm nghiên cứu, đối chiếu, so sánh, đánh giá giữa các hồ sơ, tài liệu có liên quan với nhau; giữa hồ sơ, tài liệu với quy định của pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Yêu cầu đối tượng kiểm tra giải trình các nội dung chưa rõ, nội dung có mâu thuẫn và bổ sung các nội dung, hồ sơ, tài liệu còn thiếu.

d. Kiểm tra hiện trường

- Kiểm tra khu vực phát sinh nước thải, khí thải, CTR thông thường, CTNH.
- Kiểm tra hiện trạng thu gom, phân loại CTR thông thường, CTNH.
- Kiểm tra khu vực lưu giữ, CTR thông thường, CTNH.
- Kiểm tra hệ thống thu gom nước thải, hệ thống xử lý nước thải.
- Kiểm tra hệ thống xả thải, điểm đầu nổi nước thải.

Lưu ý:

Phải kiểm tra tình hình phát thải từ vị trí phát sinh, quá trình thu gom, quá trình xử lý và điểm xả thải ra môi trường. Quá trình kiểm tra phải được ghi chép tỉ mỉ.

+ Kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, hệ thống xả thải: Hệ thống thu gom nước thải, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xả thải phải được thiết kế, xây dựng theo các tài liệu được phê duyệt (Báo cáo ĐTM, Đề án BVMT, Cam kết BVMT, Kế hoạch BVMT). Hệ thống xử lý nước thải phải được vận hành thường xuyên.

+ Kiểm tra hiện trạng thu gom, quản lý CTR: Kiểm tra các vị trí phát thải các loại chất thải, phế liệu, phế phẩm, các loại bao bì, thùng đựng đã qua sử dụng... từ quá trình sản xuất, sử dụng, thải lượng từng loại, việc thu gom, phân loại, khu vực tập kết.

+ Kiểm tra hiện trạng thu gom, quản lý chất thải CTNH: Kiểm tra khu vực phát sinh CTNH như khu vực bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện, trang thiết bị... tình trạng thu gom, phân loại CTNH, bao bì, thiết bị lưu chứa, khu vực lưu chứa tạm thời CTNH.

+ Kiểm tra tình hình phát thải khí, bụi, tiếng ồn: Kiểm tra từ vị trí phát sinh để đánh giá tình trạng phát thải, việc lắp đặt các hệ thống giảm thiểu ô nhiễm, thực trạng hoạt động của hệ thống xử lý bụi, khí thải tại thời điểm kiểm tra, các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đã triển khai.

+ Kiểm tra khu vực tập kết dầu nhiên liệu: Kiểm tra việc triển khai các biện pháp để phòng ngừa sự cố tràn dầu.

d. Họp đánh giá kết quả kiểm tra

- Trưởng đoàn Kiểm tra lấy ý kiến các thành viên trong Đoàn Kiểm tra về nhận xét, đánh giá các ưu điểm, vi phạm của cơ sở được kiểm tra sau khi đối chiếu với các quy định về BVMT hiện hành, các yêu cầu về biện pháp khắc phục vi phạm trong công tác BVMT.

- Cơ sở được kiểm tra giải trình:

Đại diện cơ sở phát biểu về kết quả kiểm tra, giải trình về các vi phạm và cam kết khắc phục những vi phạm.

- Trưởng đoàn kết luận kết quả kiểm tra:

Trưởng đoàn thay mặt Đoàn Kiểm tra đưa ra kết luận kiểm tra công tác BVMT của cơ sở được kiểm tra và đưa ra các yêu cầu thời gian khắc phục và biện pháp khắc phục đối với từng vi phạm.

e. Lập biên bản kiểm tra

- Thư ký Đoàn Kiểm tra là người chịu trách nhiệm ghi biên bản kiểm tra.

- Biên bản kiểm tra thể hiện các yếu tố sau:

+ Có địa điểm, ngày giờ bắt đầu làm việc và kết thúc làm việc; họ và tên, chức vụ của từng người trong thành phần tham gia buổi làm việc bao gồm Đoàn Kiểm tra, cơ quan phối hợp, đại diện cơ sở được kiểm tra.

+ Nội dung biên bản thể hiện đầy đủ tên, địa chỉ cơ sở được kiểm tra và các thông tin liên quan đến hoạt động của đơn vị như loại hình sản xuất; thông tin liên quan đến công tác BVMT như các nguồn thải, thải lượng, quy trình thu gom, xử lý, công nghệ, công suất xử lý....

+ Chấp hành pháp luật của cơ sở: Đã có các hồ sơ, thủ tục hoặc giấy phép môi trường theo quy định, cơ quan nào cấp; việc thực hiện các nội dung của giấy phép như thế nào....

+ Đánh giá kết quả kiểm tra công tác BVMT của cơ sở được kiểm tra.

+ Yêu cầu của Đoàn Kiểm tra: Đưa ra thời gian khắc phục và biện pháp khắc phục đối với từng tồn tại.

+ Ý kiến của cơ sở được kiểm tra: Ghi ngắn gọn phần tiếp thu ý kiến, cam kết khắc phục các vi phạm và đề nghị của cơ sở.

- Nhân bản đủ Biên bản kiểm tra theo số lượng các thành phần tham gia, mỗi cơ quan 01 bản chính sau khi Trưởng đoàn và đại diện cơ sở đã ký và đóng dấu. Biên bản có nhiều trang và nhiều tờ thì phải đóng dấu giáp lai hoặc ký nháy ở các trang.

1.1.3. Bước 3 - Kết thúc kiểm tra

- Báo cáo kết quả kiểm tra: Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị được giao phụ trách.

- Xử lý và chỉ đạo thực hiện kết luận kiểm tra: Căn cứ nội dung các vi phạm

của đơn vị được kiểm tra, cơ quan thực hiện kiểm tra lựa chọn các hình thức xử lý và chỉ đạo thực hiện kết luận kiểm tra phù hợp:

- + Gửi văn bản yêu cầu khắc phục những tồn tại.
- + Lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định (tham khảo Sổ tay Hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính).
- + Chuyển hồ sơ vụ việc tới cơ quan có thẩm quyền nếu vượt thẩm quyền theo quy định.

1.1.4. Bước 4 - Công tác xử lý sau kiểm tra

a. Theo dõi thực hiện kết luận kiểm tra

Đơn vị được giao chủ trì kiểm tra giao cán bộ, chuyên viên có trách nhiệm tổng hợp thông tin có liên quan đến việc thực hiện kết luận, kiến nghị và quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

- Theo dõi quá trình tổ chức chỉ đạo, tiến độ, kết quả, những tồn tại hoặc khó khăn, vướng mắc có liên quan đến việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Căn cứ từng vụ việc cụ thể, người được giao nhiệm vụ theo dõi có trách nhiệm xác định rõ nội dung thông tin, địa chỉ tiếp nhận, phương thức và thời gian cung cấp trong văn bản yêu cầu hoặc trong quá trình làm việc trực tiếp với đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra.

- Kết thúc việc theo dõi thực hiện kết luận kiểm tra khi đối tượng kiểm tra đã hoàn thành việc thực hiện kết luận kiểm tra.

b. Đôn đốc thực hiện kết luận kiểm tra

- Người được giao nhiệm vụ theo dõi kết luận kiểm tra có trách nhiệm gửi văn bản đôn đốc hoặc làm việc trực tiếp với đối tượng kiểm tra với các mục đích sau:

+ Nhắc nhở các nội dung được ghi trong kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về kiểm tra chưa hoàn thành việc thực hiện.

+ Yêu cầu đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra báo cáo giải trình nguyên nhân chưa hoàn thành việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

+ Thực hiện các biện pháp thúc đẩy trách nhiệm của các bên liên quan trong việc hoàn thành thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Căn cứ từng vụ việc, người được giao nhiệm vụ đôn đốc có trách nhiệm xác định rõ các yêu cầu về nội dung, phương thức, trách nhiệm và thời hạn thực hiện trong quá trình chuẩn bị văn bản đôn đốc hoặc trực tiếp làm việc với đối tượng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra.

- Người được giao nhiệm vụ đôn đốc có trách nhiệm báo cáo Lãnh đạo đơn vị chủ trì kiểm tra kết quả đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định

xử phạt vi phạm hành chính.

- Lãnh đạo đơn vị chủ trì thực hiện kiểm tra căn cứ vào kết quả đơn đốc để xem xét và ra quyết định phù hợp.

c. Kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm tra

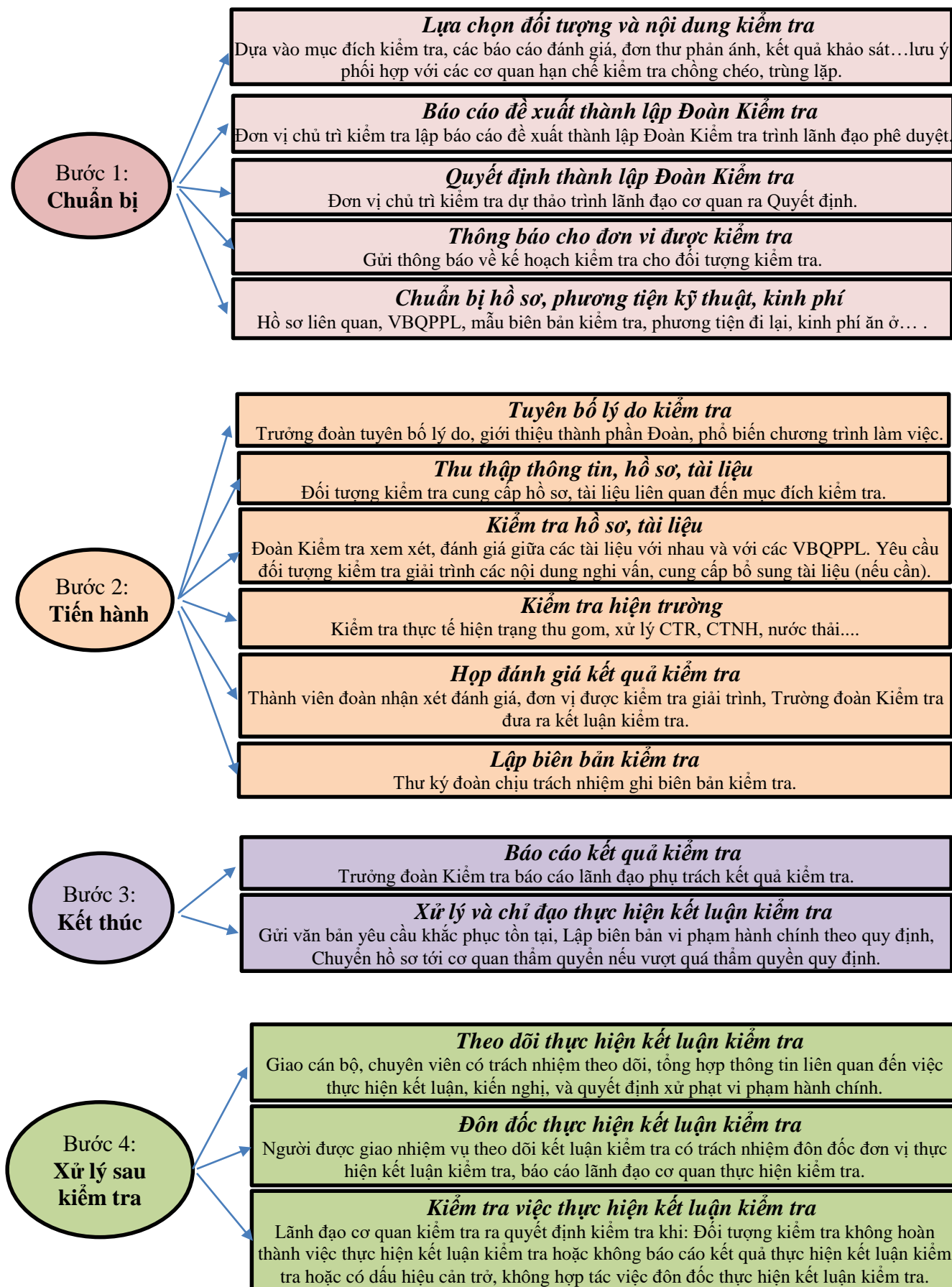
- Lãnh đạo đơn vị chủ trì thực hiện kiểm tra ra quyết định kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm tra khi có một trong các trường hợp sau:

+ Sau khi hết thời hạn báo cáo kết quả đơn đốc mà đối tượng kiểm tra không hoàn thành việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

+ Đối tượng kiểm tra không thực hiện trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

+ Trong quá trình theo dõi, đơn đốc, phát hiện đối tượng kiểm tra có dấu hiệu cản trở, không hợp tác, có dấu hiệu tiếp tục thực hiện các hành vi vi phạm trong công tác BVMT.

- Hoạt động kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm tra chỉ được thực hiện khi có quyết định kiểm tra của Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền. Căn cứ vào kết quả kiểm tra, lãnh đạo cơ quan thực hiện kiểm tra có trách nhiệm xem xét, xử lý kịp thời kết quả kiểm tra; hoặc báo cáo xin ý kiến của Lãnh đạo cơ quan cấp trên khi vượt quá thẩm quyền.



Hình 1.1. Sơ đồ Trình tự tổ chức kiểm tra công tác BVMT có thành lập Đoàn

1.2. Kiểm tra công tác BVMT không thành lập Đoàn

Cán bộ, chuyên viên môi trường các Cảng vụ Hàng không có nhiệm vụ theo dõi thường xuyên hoạt động của cơ quan, đơn vị tại CHK, SB nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT. Việc kiểm tra công tác BVMT không thành lập Đoàn được triển khai trong các trường hợp sau:

- Phát hiện hành vi có dấu hiệu hoặc nghi ngờ có dấu hiệu vi phạm pháp luật về BVMT;
- Nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc phản ánh của các tổ chức, cá nhân về hành vi vi phạm pháp luật về BVMT;
- Theo kế hoạch được lãnh đạo phê duyệt.

1.2.1. Bước 1 - Chuẩn bị

- Thông báo cho đối tượng kiểm tra: Thông báo bằng văn bản hoặc phương tiện liên lạc và yêu cầu đơn vị được kiểm tra cử người đại diện phối hợp để kiểm tra.

- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, phương tiện kỹ thuật trước khi tiến hành kiểm tra bao gồm: Hồ sơ liên quan đến nội dung và đối tượng kiểm tra; văn bản quy phạm pháp luật liên quan; mẫu biên bản kiểm tra; bản tường trình; phương tiện liên lạc; phương tiện đi lại; v.v.

1.2.2. Bước 2 - Tiến hành kiểm tra

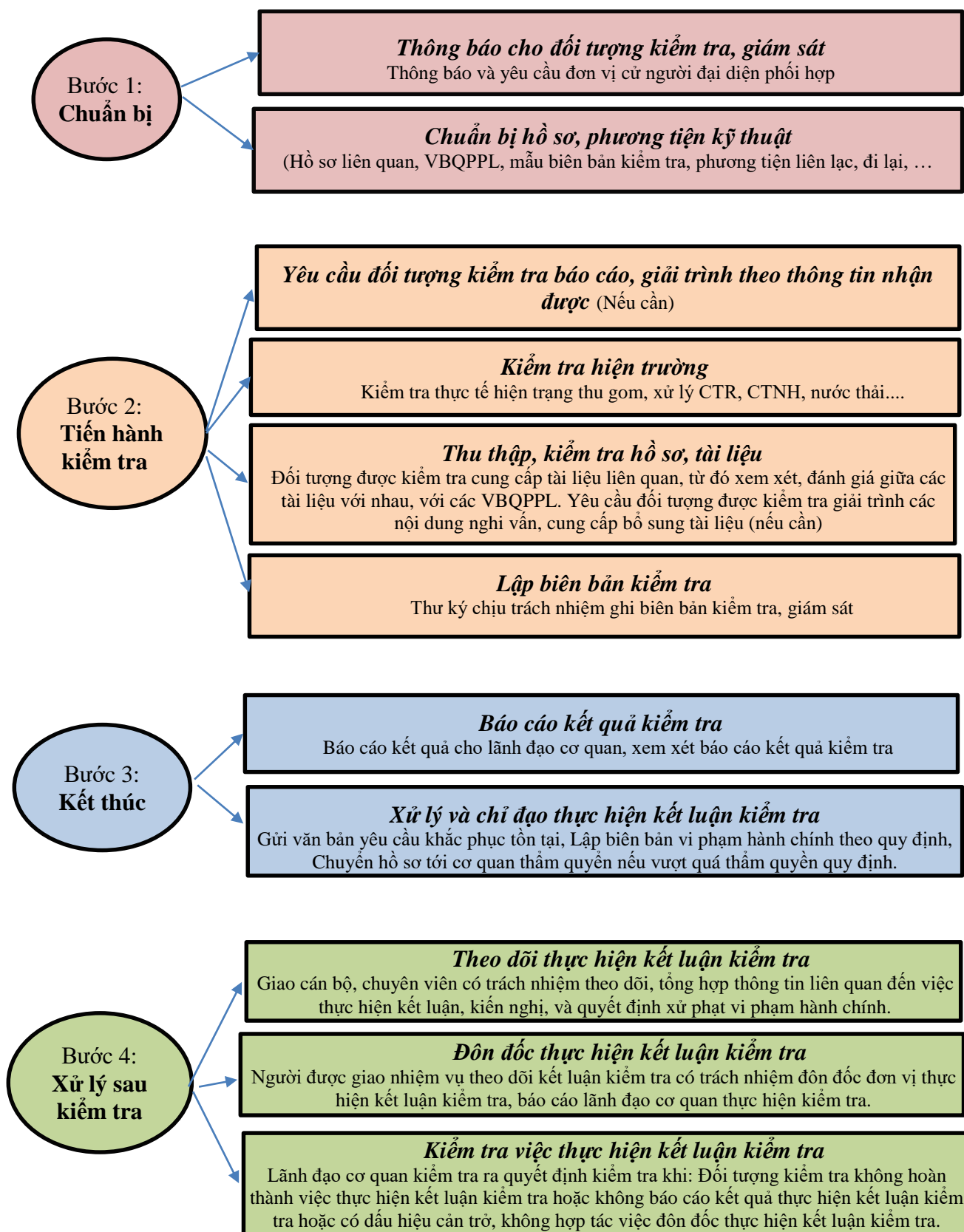
- Yêu cầu đối tượng kiểm tra báo cáo, giải trình theo thông tin nhận được (nếu cần);
- Kiểm tra hiện trường: Tương tự nội dung tại điểm d, mục 1.1.2.
- Thu thập, kiểm tra hồ sơ: Tương tự nội dung tại điểm b và c, mục 1.1.2.
- Lập biên bản kiểm tra: Tương tự nội dung tại điểm e, mục mục 1.1.2.

1.2.3. Bước 3 - Kết thúc kiểm tra

- Báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị được giao phụ trách.
- Xử lý và chỉ đạo thực hiện kết luận kiểm tra:
 - + Gửi văn bản yêu cầu khắc phục những tồn tại;
 - + Lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định (tham khảo Sổ tay hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính);
 - + Ra quyết định và thi hành xử phạt vi phạm hành chính (tham khảo Sổ tay hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính);
 - + Chuyển hồ sơ vụ việc tới cơ quan có thẩm quyền nếu vượt thẩm quyền theo quy định.

1.2.4. Bước 4 - Công tác xử lý sau kiểm tra

Tương tự như nội dung tại mục 1.1.4.



Hình 1.2. Sơ đồ Trình tự tổ chức kiểm tra công tác BVMT không thành lập Đoàn

1.3. Các hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả trong kiểm tra công tác BVMT

Để nâng cao hiệu quả trong kiểm tra công tác BVMT tại CHK, SB Cục HKVN, các Cảng vụ Hàng không cần tăng cường thực hiện các hoạt động sau đây:

- Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về BVMT cho cán bộ, công nhân viên chức, người lao động làm việc tại CHK, SB, hành khách đi/đến CHK, SB và dân cư khu vực lân cận CHK, SB.

- Thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức triển khai thực hiện.

- Đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ kiểm tra công tác BVMT.

- Tuyển dụng cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm trong công tác BVMT.

- Trang bị đầy đủ phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra; xây dựng cơ sở dữ liệu nền nhằm giám sát chất lượng môi trường tại cảng hàng không, sân bay.

- Phối hợp với các cơ quan, chính quyền tại địa phương trong công tác kiểm tra.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG KIỂM TRA CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Mỗi CHK, SB có những đặc điểm không giống nhau, khi xây dựng nội dung kiểm tra, cần xem xét tình hình thực tế tại mỗi CHK, SB để lựa chọn các nội dung kiểm tra cho phù hợp.

2.1. Nội dung kiểm tra người khai thác CHK, SB

- Xây dựng và thực hiện báo cáo ĐTM, kế hoạch BVMT và Đề án BVMT chi tiết, đơn giản.

- Kế hoạch BVMT.
- Hạ tầng kỹ thuật BVMT.
- Bản đồ tiếng ồn và kiểm soát tiếng ồn tại CHK, SB.
- Quản lý nước thải và khai thác, sử dụng nước dưới đất.
- Quản lý chất thải rắn thông thường.
- Quản lý chất thải nguy hại.
- BVMT nơi công cộng.
- Quản lý khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung.
- An toàn bức xạ.
- Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố tràn dầu;
- Bộ phận, cá nhân thực hiện công tác BVMT tại các doanh nghiệp nhà nước.
- BVMT trong giai đoạn thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hàng không.
- Trách nhiệm báo cáo công tác BVMT.

2.2. Nội dung kiểm tra các đơn vị hoạt động tại CHK, SB

- Xây dựng và thực hiện báo cáo ĐTM, kế hoạch bảo vệ môi trường và Đề án BVMT chi tiết, đơn giản.

- BVMT đối với hoạt động khai thác tàu bay
- Kế hoạch BVMT.
- Hạ tầng kỹ thuật BVMT.
- Quản lý nước thải và khai thác, sử dụng nước dưới đất.
- Quản lý chất thải rắn thông thường.
- Quản lý chất thải nguy hại.
- Quản lý khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung.
- Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố tràn dầu.

- Bộ phận, cá nhân thực hiện công tác BVMT tại các doanh nghiệp nhà nước.

- BVMT trong giai đoạn thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hàng không.

- Trách nhiệm báo cáo công tác BVMT.

2.3. Nội dung kiểm tra tại một số khu vực tại cảng HK, SB

2.3.1. Nội dung kiểm tra tại khu bay

- BVMT đối với hoạt động khai thác tàu bay.

- Hạ tầng kỹ thuật BVMT.

- Bản đồ tiếng ồn và kiểm soát tiếng ồn tại CHK, SB.

- Quản lý nước thải và khai thác, sử dụng nước dưới đất.

- Quản lý chất thải rắn thông thường.

- Quản lý chất thải nguy hại.

- BVMT nơi công cộng.

- Quản lý khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung.

- Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố tràn dầu.

2.3.2. Nội dung kiểm tra trong khu vực nhà ga, sân đỗ ô tô, đường nội cảng

- Hạ tầng kỹ thuật BVMT.

- Quản lý nước thải và khai thác, sử dụng nước dưới đất.

- Quản lý chất thải rắn thông thường.

- Quản lý chất thải nguy hại.

- BVMT nơi công cộng.

- Quản lý khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung.

- An toàn bức xạ.

2.4. Các nội dung kiểm tra công tác BVMT

2.4.1. Xây dựng và thực hiện báo cáo ĐTM, kế hoạch bảo vệ môi trường và Đề án BVMT chi tiết, đơn giản

Căn cứ quy định tại: Luật BVMT số 55/2014/QH13, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT, Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Đối tượng phải thực hiện ĐTM được quy định tại Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP trong đó bao gồm:

+ Các dự án xây dựng đường cất hạ cánh, nhà ga hành khách, dự án nhà ga

hàng hóa có công xuất từ 200.000 tấn hàng hóa/năm trở lên.

+ Dự án khai thác nước cấp cho hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ sinh hoạt có công xuất khai thác từ 3.000 m³ nước/ngày đêm trở lên đối với nước dưới đất, từ 50.000 m³ nước/ngày đêm trở lên đối với nước mặt.

+ Dự án xây dựng cơ sở chế biến lương thực, thực phẩm có công suất từ 500 tấn sản phẩm/năm trở lên; dự án xây dựng cơ sở kho xăng dầu, cửa hàng kinh doanh xăng dầu có dung tích từ 200 m³ trở lên.

+ Các dự án có tổng lượng nước thải công nghiệp từ 500 m³/ngày đêm trở lên hoặc từ 200.000 m³ khí thải/giờ hoặc 5 tấn chất thải rắn/ngày đêm trở lên, các dự án cải tạo, mở rộng công suất tương đương với dự án phải lập báo cáo ĐTM.

- Thời điểm thực hiện ĐTM: Việc đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị dự án. Kết quả thực hiện ĐTM thể hiện dưới hình thức báo cáo ĐTM.

- Sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt Chủ dự án phải lập kế hoạch quản lý môi trường trên cơ sở chương trình quản lý và giám sát môi trường đã đề xuất trong báo cáo ĐTM được phê duyệt, gửi kế hoạch quản lý môi trường đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện ĐTM để được niêm yết công khai trước khi khởi công xây dựng. Trường hợp có thay đổi chương trình quản lý và giám sát môi trường thì phải cập nhật kế hoạch quản lý môi trường và gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định.

b. Đăng ký kế hoạch BVMT

- Đối tượng phải đăng ký kế hoạch BVMT:

+ Dự án đầu tư mới, mở rộng quy mô, nâng công suất các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ không thuộc đối tượng phải lập ĐTM.

+ Phương án đầu tư sản xuất kinh doanh, dịch vụ không thuộc các đối tượng quy định tại Phụ lục IV Nghị định 18/2015/NĐ-CP, và không thuộc đối tượng phải lập ĐTM.

- Thời điểm đăng ký, xác nhận kế hoạch BVMT phải được lập, gửi cơ quan có thẩm quyền xác nhận trước khi triển khai dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

c. Lập Đề án BVMT chi tiết

Đối tượng phải lập Đề án BVMT chi tiết:

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã đi vào hoạt động trước ngày 01/4/2015 có quy mô, tính chất tương đương với đối tượng phải lập báo cáo ĐTM và không có một trong các văn bản sau: Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM, quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM bổ sung, quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường.

- Cơ sở đã cải tạo, mở rộng, nâng công suất thuộc đối tượng phải lập báo cáo ĐTM bổ sung (theo quy định trước đây) hoặc thuộc đối tượng phải lập lại báo

cáo ĐTM (theo quy định trước đây và quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP) nhưng không có một trong các giấy tờ sau: Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM; Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM bổ sung; Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường.

d. Lập Đề án BVMT đơn giản

Đối tượng phải lập Đề án BVMT đơn giản:

- Cơ sở đã đi vào hoạt động trước ngày 01/4/2015 có quy mô, tính chất tương đương đối tượng phải đăng ký kế hoạch BVMT và không có một trong các văn bản sau: Giấy xác nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường, văn bản thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường, giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường.

- Cơ sở đã cải tạo, mở rộng, nâng công suất thuộc đối tượng phải lập bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung (trước ngày Nghị định số 18/2015/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) hoặc thuộc đối tượng phải lập lại bản kế hoạch bảo vệ môi trường (theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP) nhưng không có một trong các giấy tờ sau: Giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường; Giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung; Giấy xác nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường; Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường; Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường; Văn bản thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường.

d. Thực hiện báo cáo ĐTM, kế hoạch BVMT, Đề án BVMT chi tiết, Đề án BVMT đơn giản

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung trong Quyết định phê duyệt và báo cáo ĐTM được phê duyệt, văn bản xác nhận và Kế hoạch BVMT được xác nhận, Quyết định phê duyệt và Đề án BVMT chi tiết được phê duyệt, văn bản xác nhận và Đề án BVMT đơn giản được xác nhận.

2.4.2. BVMT đối với hoạt động khai thác tàu bay

Căn cứ quy định tại Thông tư 53/2012/TT-BGTVT của Bộ GTVT.

- Tàu bay khai thác tại Việt Nam phải tuân thủ các yêu cầu về tiếng ồn tàu bay do Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) quy định tại Phần 2 (Part 2), Quyển 1 (Volume 1), Phụ ước 16 (Annex 16) của Công ước Chi-ca-gô về hàng không dân dụng quốc tế.

- Tàu bay khai thác tại Việt Nam phải có Giấy chứng nhận tiếng ồn do Cục Hàng không Việt Nam cấp, thừa nhận theo quy định của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay.

- Động cơ tàu bay khai thác tại Việt Nam phải tuân thủ các yêu cầu về khí thải động cơ tàu bay do ICAO quy định tại Chương 2 (Chapter 2), Phần 2 (Part 2) và Chương 2 (Chapter 2), Phần 3 (Part 3), Quyển 2 (Volume 2), Phụ ước 16

(Annex 16) của Công ước Chi-ca-gô về hàng không dân dụng quốc tế.

- Người khai thác tàu bay có trách nhiệm:

+ Áp dụng các giải pháp công nghệ, quy trình khai thác tàu bay nhằm giảm thiểu lượng khí thải động cơ tàu bay vào khí quyển.

+ Áp dụng quy trình hoạt động của tàu bay tại cảng hàng không, sân bay nhằm giảm thiểu khí thải động cơ tàu bay vào không khí, bao gồm: Hạn chế thời gian hoạt động của động cơ tàu bay trong quá trình lăn, chuẩn bị cất cánh; tăng cường sử dụng xe kéo tàu bay nhằm hạn chế thời gian hoạt động của động cơ tàu bay nhưng không gây ùn tắc hoạt động tại khu bay.

+ Xây dựng quy trình nội bộ kiểm soát việc thu gom, phân loại chất thải từ tàu bay và tổ chức thực hiện.

+ Sử dụng hóa chất diệt côn trùng và vệ sinh trong tàu bay tuân thủ quy định tại Danh mục hóachất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế được phép đăng ký để sử dụng, được phép đăng ký nhưng hạn chế sử dụng và cấm sử dụng tại Việt Nam do Bộ Y tế ban hành.

+ Quy định quy trình sử dụng từng loại hóa chất để diệt côn trùng, vệ sinh tàu bay nhằm bảo đảm chất lượng khí trong tàu bay đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

2.4.3. Kế hoạch BVMT

Căn cứ quy định tại Thông tư 53/2012/TT-BGTVT của Bộ GTVT.

Người khai thác CHK, SB và chủ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại CHK, SB có trách nhiệm:

- Xây dựng Kế hoạch BVMT.

- Nội dung Kế hoạch BVMT bao gồm: Xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật BVMT; Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; Đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ BVMT; Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về BVMT; Giám sát môi trường và Tài chính.

- Định kỳ đánh giá, điều chỉnh Kế hoạch BVMT cho phù hợp.

2.4.4. Hạ tầng kỹ thuật BVMT

Căn cứ quy định tại Thông tư 53/2012/TT-BGTVT.

- Người khai thác CHK, SB chịu trách nhiệm xây dựng, duy trì hoạt động hạ tầng kỹ thuật BVMT của CHK, SB bao gồm: Điểm trung chuyển chất thải rắn; Hệ thống thu gom, xử lý, thoát nước thải.

- Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chịu trách nhiệm xây dựng hạ tầng kỹ thuật BVMT trong phạm vi hoạt động của mình đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật BVMT của CHK, SB.

2.4.5. Bản đồ tiếng ồn và kiểm soát tiếng ồn tại CHK, SB

Căn cứ quy định tại Thông tư 53/2012/TT-BGTVT.

Người khai thác CHK, SB có trách nhiệm:

- Xây dựng Bản đồ tiếng ồn CHK, SB theo quy định.
- Gửi Bản đồ tiếng ồn CHK, SB đến Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ Hàng không và Ủy ban nhân dân cấp quận (huyện) liền kề CHK, SB.
- Xây dựng và ban hành, áp dụng các giải pháp hạn chế tiếng ồn tại CHK, SB và khu vực lân cận.

2.4.6. Quản lý nước thải và khai thác, sử dụng nước dưới đất

Căn cứ pháp lý: Luật BVMT số 55/2014/QH13, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, Nghị định số 201/2013/NĐ-CP, Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT, Thông tư số 53/2012/TT-BGTVT.

➤ Trách nhiệm của người khai thác CHK, SB:

- Hướng dẫn chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại CHK, SB thực hiện việc thu gom, xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu xả thải vào hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thoát nước thải của CHK, SB.

- Tổ chức thu gom, xử lý nước thải từ tàu bay đáp ứng yêu cầu vận tải hàng hóa, hành khách và quy định về BVMT tại CHK, SB.

- Tổ chức khử trùng nước thải từ tàu bay theo quy định trước khi xử lý khi có cảnh báo của cơ quan kiểm dịch y tế quốc tế tại CHK, SB về dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.

➤ Trách nhiệm giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước của cơ sở bảo dưỡng tàu bay, phương tiện, trang thiết bị tại CHK, SB:

- Ngăn chặn rò rỉ trực tiếp hoặc gián tiếp nhiên liệu, dầu mỡ, hóa chất;

- Phân tách dầu mỡ lẫn trong nước thải trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của CHK, SB;

- Thực hiện bảo dưỡng, rửa tàu bay, phương tiện, trang thiết bị tại khu vực có hệ thống thu gom và phân tách dầu mỡ khỏi nước thải.

➤ Trách nhiệm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nói chung:

- Có hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

- Xử lý nước thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường: QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp và QCVN 29:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải kho và cửa hàng xăng dầu.

- Hệ thống xử lý nước thải phải được vận hành thường xuyên.

- Có giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định tại Nghị định số

201/2013/NĐ-CP.

Ghi chú: Các trường hợp xả nước thải vào nguồn nước có quy mô vượt quá 5 m³/ngày đêm hoặc trong thành phần nước thải có chứa chất độc hại, chất phóng xạ phải có giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

- Thời hạn của giấy phép xả thải còn hiệu lực.
- Thực hiện việc quan trắc, giám sát lưu lượng, chất lượng nước thải theo quy định;
- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được quản lý như sau: bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại; bùn thải không có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường;
- Có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất theo quy định và còn hiệu lực.

Ghi chú: Các trường hợp khai thác, sử dụng nước dưới đất có quy mô vượt quá 10 m³/ngày đêm hoặc thuộc khu vực mực nước suy giảm quá mức phải có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất. Thời hạn của giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất không quá 15 năm và được xem xét gia hạn nhưng không quá 10 năm.

- **Đầu nối vào hệ thống thoát nước chung:**
 - Nước thải tại các cảng hàng không phải được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung trừ những trường hợp sau:
 - + Gần nguồn tiếp nhận mà chất lượng nước thải bảo đảm yêu cầu vệ sinh môi trường và việc đầu nối vào hệ thống thoát nước chung có thể gây những gánh nặng bất hợp lý về kinh tế cho doanh nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh địa phương.
 - + Tại địa bàn chưa có mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước tập trung.
 - Việc đầu nối hệ thống thoát nước chung của địa phương phải đảm bảo:
 - + Nước thải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả ra môi trường.
 - + Hạn chế đến mức thấp nhất lượng nước thải thấm vào lòng đất hoặc chảy vào các nguồn tiếp nhận khác.

2.4.7. Quản lý chất thải rắn thông thường

Căn cứ: Luật BVMT năm 2014, Nghị định 38/2015/NĐ-CP, Thông tư 53/2012/TT-BGTVT.

- **Quản lý CTR sinh hoạt:**
 - Tổ chức cá nhân phát sinh CTR sinh hoạt có trách nhiệm thực hiện phân loại, lưu giữ CTR sinh hoạt theo các nhóm sau:

+ Nhóm hữu cơ dễ phân hủy (nhóm thức ăn thừa, lá rau, rau, củ, quả, xác động vật).

+ Nhóm có khả năng tái sử dụng, tái chế (nhóm giấy, nhựa, kim loại, cao su, ni lông, thủy tinh).

+ Nhóm còn lại.

- Chủ nguồn thải CTR sinh hoạt có trách nhiệm ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý; thanh toán toàn bộ chi phí theo hợp đồng dịch vụ.

- Các thiết bị lưu chứa CTR sinh hoạt phải có kích cỡ phù hợp với thời gian lưu giữ. Các thiết bị lưu chứa tại các khu vực công cộng phải đảm bảo tính mỹ quan.

➤ Quản lý CTR công nghiệp thông thường:

- Chủ nguồn thải CTR công nghiệp thông thường có trách nhiệm:

+ Phân định, phân loại, lưu giữ CTR công nghiệp thông thường đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định. CTR công nghiệp thông thường phải được phân định, phân loại riêng với CTNH, trường hợp không thể phân loại được thì phải quản lý theo quy định về CTNH.

+ Tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, thu hồi năng lượng hoặc ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý CTR công nghiệp thông thường.

+ Định kỳ báo cáo tình hình phát sinh, quản lý CTR công nghiệp thông thường trong báo cáo giám sát môi trường định kỳ.

➤ Khi có cảnh báo của cơ quan kiểm dịch y tế quốc tế tại cảng hàng không, sân bay về dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm thì phải tổ chức khử trùng chất thải rắn từ tàu bay theo quy định trước khi xử lý.

➤ Tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển chất thải rắn tại CHK, SB phải áp dụng biện pháp ngăn ngừa việc phát thải bụi, rơi vãi chất thải rắn trong quá trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn.

2.4.8. Quản lý chất thải nguy hại

Căn cứ: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, Thông tư 36/2015/TT-BTNMT, Thông tư 53/2012/TT-BGTVT.

Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có hoạt động phát sinh CTNH (Chủ nguồn thải CTNH) có trách nhiệm:

1. Đăng ký chủ nguồn thải CTNH:

➤ Chủ nguồn thải CTNH có trách nhiệm đăng ký với Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có cơ sở phát sinh theo một trong các hình thức sau:

- Lập hồ sơ đăng ký để được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

- Tích hợp trong báo cáo quản lý CTNH mà không phải lập hồ sơ đăng ký để được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH đối với một số trường hợp đặc biệt

(Cơ sở phát sinh CTNH có thời gian hoạt động không quá 01 năm; hoặc cơ sở phát sinh CTNH thường xuyên hay định kỳ hàng năm với tổng số lượng không quá 600 kg/năm, trừ trường hợp CTNH thuộc danh mục các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) theo quy định tại Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy).

- Đăng ký trực tuyến thông qua hệ thống thông tin với đầy đủ thông tin tương tự như việc lập hồ sơ đăng ký để được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

➤ Nguyên tắc xác định chủ nguồn thải CTNH:

- Việc xác định chủ nguồn thải CTNH để đăng ký chủ nguồn thải và quản lý CTNH phải căn cứ vào nơi phát sinh CTNH.

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh CTNH bên ngoài cơ sở của mình phải có văn bản thỏa thuận với tổ chức, cá nhân quản lý nơi phát sinh về việc lựa chọn giữa một trong hai đối tượng này để đăng ký chủ nguồn thải CTNH trừ trường hợp CTNH phát sinh do sự cố hoặc trường hợp bất khả kháng.

- Chủ nguồn thải CTNH được đăng ký chung cho các cơ sở phát sinh CTNH do mình sở hữu hoặc điều hành trong phạm vi một tỉnh hoặc được lựa chọn một điểm đầu mối để đại diện đăng ký chung đối với cơ sở phát sinh CTNH có dạng tuyến trải dài trên phạm vi một tỉnh.

2. Có biện pháp giảm thiểu phát sinh CTNH; tự chịu trách nhiệm về việc phân định, phân loại, xác định số lượng CTNH phải báo cáo và quản lý:

- Các CTNH phải được phân loại theo mã CTNH để lưu giữ trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp. Được sử dụng chung bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đối với các mã CTNH có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau và có khả năng xử lý bằng cùng một phương pháp.

- Việc phân định CTNH thực hiện theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 36/2015/TT-BTNMT và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng CTNH.

- CTNH phải được chủ nguồn thải phân loại bắt đầu từ các thời điểm:

+ Khi đưa vào khu vực lưu giữ CTNH tại cơ sở phát sinh CTNH.

+ Khi chuyển giao CTNH đi xử lý bên ngoài cơ sở mà không đưa vào khu vực lưu giữ CTNH tại cơ sở phát sinh CTNH.

- Trường hợp CTNH được đưa vào tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng tại cơ sở sau khi phát sinh thì dựa vào công nghệ, kỹ thuật hiện có, chủ nguồn thải CTNH được lựa chọn phân loại hoặc không phân loại.

3. Có khu vực lưu giữ tạm thời CTNH; lưu giữ CTNH trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định tại Phụ lục 2 (A) Thông tư 36/2015/TT-BTNMT:

➤ Bao bì CTNH:

- Bao bì CTNH (vỏ cứng hoặc vỏ mềm) bảo đảm lưu giữ an toàn CTNH, không bị hư hỏng, rách vỡ vỏ.

- Bao bì mềm được buộc kín và bao bì cứng có nắp đậy kín để bảo đảm ngăn chất thải rò rỉ hoặc bay hơi.

- Chất thải lỏng, bùn thải dạng nhão hoặc chất thải có các thành phần nguy hại dễ bay hơi phải chứa trong bao bì cứng không vượt quá 90% dung tích hoặc mức chứa cao nhất cách giới hạn trên của bao bì là 10 (mười) cm.

➤ Thiết bị lưu chứa CTNH:

- Thiết bị lưu chứa (có vỏ cứng với cỡ lớn hơn các bao bì thông thường, như các bồn, bể, công ten nơ...) phải đáp ứng các yêu cầu chung như sau:

+ Bảo đảm lưu chứa an toàn CTNH, có gia cố hoặc thiết kế đặc biệt tại điểm tiếp nối và vị trí xếp, dỡ hoặc nạp, xả chất thải để tránh rò rỉ.

+ Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

+ Có biển dấu hiệu cảnh báo theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009 về chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa với kích thước ít nhất 30 cm mỗi chiều.

- Thiết bị lưu chứa CTNH ở thể lỏng hoặc có thành phần nguy hại dễ bay hơi phải có nắp đậy kín, biện pháp kiểm soát bay hơi, đặc biệt tại điểm nạp, xả, biện pháp kiểm soát nạp đầy tràn để bảo đảm mức chứa cao nhất cách giới hạn trên của thiết bị lưu chứa 10 cm.

- Trường hợp thiết bị lưu chứa CTNH không có các thành phần nguy hại dễ bay hơi thì có thể không cần nắp đậy kín nhưng phải có mái hoặc biện pháp che hoàn toàn nắng, mưa khác và biện pháp kiểm soát gió trực tiếp vào bên trong.

- Thiết bị lưu chứa CTNH có dung tích từ 02 m³ trở lên và đáp ứng các quy định tại Mục này được đặt ngoài trời nhưng phải đảm bảo kín khí, không bị nước mưa lọt vào.

- Trường hợp lưu chứa loại hoặc nhóm CTNH có khả năng phản ứng hóa học với nhau trong cùng thiết bị lưu chứa thì phải có biện pháp cách ly bảo đảm loại hoặc nhóm CTNH không tiếp xúc với nhau trong quá trình lưu chứa.

➤ Khu vực lưu giữ CTNH

- Khu vực lưu giữ CTNH (không bắt buộc phải xây dựng dưới dạng kho) phải đáp ứng các yêu cầu chung như sau:

+ Mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH bảo đảm kín khí, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

+ Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH, trừ các thiết bị lưu chứa CTNH với dung tích lớn hơn 02 (hai) m³ thì được đặt ngoài trời; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.

+ Có biện pháp cách ly với các loại hoặc nhóm CTNH khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau.

+ Khu lưu giữ CTNH phải được bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

- Khu vực lưu giữ CTNH dễ cháy, nổ bảo đảm khoảng cách không dưới 10 m với lò hơi và các thiết bị đốt khác.

- Chất thải lỏng có PCB, các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc đối tượng quản lý của Công ước Stockholm và các thành phần nguy hại hữu cơ halogen khác (vượt ngưỡng CTNH theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng CTNH) phải được chứa trong các bao bì cứng hoặc thiết bị lưu chứa đặt trên các tấm nâng và không xếp chồng lên nhau.

- Khu vực lưu giữ CTNH phải được trang bị như sau:

+ Thiết bị phòng cháy chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

+ Vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

+ Biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất 30 cm mỗi chiều.

+ Đối với các cơ sở y tế thì khu vực lưu chứa phải đáp ứng các quy định về quản lý chất thải y tế.

4. Trường hợp không tự tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở, chủ nguồn thải CTNH phải ký hợp đồng để chuyển giao CTNH với tổ chức, cá nhân có giấy phép có Giấy phép xử lý CTNH hoặc Giấy phép quản lý CTNH phù hợp.

5. Định kỳ 06 tháng báo cáo về việc lưu giữ CTNH tại cơ sở phát sinh với Sở Tài nguyên và Môi trường bằng văn bản riêng hoặc kết hợp trong báo cáo quản lý CTNH định kỳ khi chưa chuyển giao được trong các trường hợp sau:

- Chưa có phương án vận chuyển, xử lý khả thi.

- Chưa tìm được chủ xử lý chất thải nguy hại phù hợp.

6. Lập, sử dụng, lưu trữ và quản lý chứng từ CTNH, báo cáo quản lý CTNH (định kỳ và đột xuất) và các hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác quản lý CTNH.

- Sử dụng chứng từ CTNH mỗi lần chuyển giao CTNH theo quy định.

- Báo cáo quản lý CTNH định kỳ hàng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 (A) Thông tư 36/2015/TT-BTNMT và nộp Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo. Trường hợp cơ sở phát sinh CTNH có thời gian hoạt động không quá 01 năm, chủ nguồn thải CTNH chỉ báo cáo một lần trong thời hạn 01

(một) tháng kể từ ngày chấm dứt hoạt động.

- Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Lưu trữ với thời hạn 05 năm tất cả các liên chứng từ CTNH đã sử dụng, báo cáo quản lý CTNH và các hồ sơ, tài liệu liên quan để cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

7. Khi chấm dứt hoạt động phát sinh CTNH, phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có cơ sở phát sinh CTNH trong thời gian không quá 06 tháng.

→ Đối với chất thải có mầm bệnh nguy hiểm từ hành khách và các chuyến bay:

Trong trường hợp có dịch bệnh nguy hiểm lây lan từ các chuyến bay, quy trình thu gom, quản lý, xử lý chất thải từ các hành khách có bệnh phải thực hiện như đối với chất thải nguy hại từ y tế. Quy trình như sau:

- Bước 1: Thu gom chất thải từ hành khách và chuyến bay.

Trong trường hợp không phân định được giữa chất thải có mầm bệnh và không có mầm bệnh thì các chất thải phải quản lý, xử lý như chất thải nguy hại.

- Bước 2: Bố trí điểm thu gom chất thải có mầm bệnh trong giai đoạn có dịch bệnh, có biển báo riêng.

Tất cả các chất thải phải được khử trùng tại Cảng hàng không và được cơ quan kiểm dịch y tế tại Cảng hàng không của Bộ Y tế quản lý và có sự tham gia kiểm soát của doanh nghiệp cảng hàng không.

- Bước 3: Chất thải được mang đi xử lý (đốt hoặc chôn lấp).

2.4.9. BVMT nơi công cộng

Căn cứ: Luật BVMT năm 2014, Thông tư 53/2012/TT-BGTVT.

Người khai thác CHK, SB có trách nhiệm đảm bảo môi trường trong phạm vi quản lý thuộc khu vực chung, cụ thể:

- Hướng dẫn cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại CHK, SB thực hiện quy trình thu gom, xử lý, tập kết chất thải rắn về điểm trung chuyển chất thải rắn tại CHK, SB;

- Bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường;

- Bố trí công trình vệ sinh công cộng; phương tiện, thiết bị thu gom chất thải đáp ứng nhu cầu giữ gìn vệ sinh môi trường;

- Niêm yết quy định về giữ gìn vệ sinh nơi công cộng.

2.4.10. Quản lý khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung

Căn cứ: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, Thông tư 53/2012/TT-BGTVT, Thông tư 17/2016/TT-BGTVT

a. Người khai thác hệ thống phương tiện, trang thiết bị hoạt động tại cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm xây dựng, áp dụng các giải pháp giảm thiểu khí thải bao gồm:

- Thực hiện bảo dưỡng hệ thống phương tiện, trang thiết bị đúng chế độ quy định.
- Hạn chế hoạt động của động cơ khi phương tiện, thiết bị tạm dừng hoạt động;
- Áp dụng tốc độ, chế độ tăng tốc hợp lý khi phương tiện, thiết bị hoạt động tại cảng hàng không, sân bay;
- Khuyến khích sử dụng nguồn cấp điện, thiết bị điều hòa không khí trên mặt đất bằng thiết bị sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hoặc sử dụng nhiên liệu sạch;
- Có kế hoạch thay thế tiến đến loại trừ việc sử dụng các thiết bị làm lạnh có sử dụng chất làm lạnh nhóm CFC (Clorofluorocacbon).

b. Cơ sở bảo dưỡng tàu bay có trách nhiệm áp dụng các biện pháp giảm thiểu khí thải động cơ tàu bay trong quá trình thử nghiệm động cơ tàu bay. Khuyến khích sử dụng hệ thống thu, khử khí thải động cơ tàu bay trong thử nghiệm động cơ tàu bay.

c. Phương tiện chuyên ngành hàng không phải được kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường định kỳ (sau đây gọi chung là kiểm định) theo tài liệu kỹ thuật của phương tiện. Chu kỳ kiểm định phương tiện được quy định như sau:

- Đối với phương tiện chưa qua sử dụng, chu kỳ kiểm định lần đầu là 24 tháng, kể từ ngày được cấp biển số;
- Đối với phương tiện đã qua sử dụng, chu kỳ kiểm định là 12 tháng, kể từ ngày được cấp biển số hoặc lần kiểm định trước.

d. Các quy định khác đối với các đơn vị phát sinh khí thải, tiếng ồn

- Quan trắc khí thải, tiếng ồn định kỳ theo yêu cầu trong quyết định phê duyệt ĐTM, văn bản xác nhận cam kết BVMT, Kế hoạch BVMT, văn bản phê duyệt/xác nhận Đề án BVMT hoặc trong nội dung cam kết tại báo cáo ĐTM, Cam kết BVMT, Đề án BVMT, Kế hoạch BVMT được phê duyệt.

- Có biện pháp giảm thiểu, thu gom, xử lý bụi, khí thải theo quy định, bảo đảm không để rò rỉ, phát tán khí độc ra môi trường.

- Hạn chế tiếng ồn, độ rung, phát sáng, phát nhiệt gây ảnh hưởng xấu đối với môi trường xung quanh và người lao động.

- Việc vận chuyển vật liệu xây dựng phải được thực hiện bằng phương tiện bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, không làm rò rỉ, rơi vãi, gây ô nhiễm môi trường.

2.4.11. An toàn bức xạ

Căn cứ: Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008, Nghị định số 07/2010/NĐ-

CP, Thông tư số 34/2014/TT-BKHCN.

Tổ chức, cá nhân tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị bức xạ (máy soi chiếu an ninh), sử dụng chất phóng xạ, lưu giữ chất phóng xạ, xử lý, lưu giữ chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng, vận hành thiết bị chiếu xạ ...) phải làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ theo quy định trước khi tiến hành công việc.

Người đứng đầu tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ có trách nhiệm:

- Thực hiện đầy đủ các quy định trong giấy phép.
- Bố trí người phụ trách an toàn theo quy định trong đó có quy định trách nhiệm và quyền hạn của người phụ trách an toàn bằng văn bản.
- Tổ chức kiểm xạ, kiểm soát chất thải phóng xạ, bảo đảm liều chiếu xạ không vượt quá liều giới hạn.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở.
- Bảo đảm các điều kiện làm việc an toàn cho nhân viên bức xạ như sau:
 - + Trang bị phương tiện bảo vệ, thiết bị ghi đo bức xạ, liều kế cá nhân cần thiết cho nhân viên bức xạ khi tiến hành công việc bức xạ.
 - + Tổ chức đào tạo cho nhân viên bức xạ mới tuyển dụng và hằng năm huấn luyện, bổ sung kiến thức mới về an toàn bức xạ và chuyên môn.
 - + Tổ chức khám sức khỏe cho nhân viên bức xạ khi mới tuyển dụng; tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho nhân viên bức xạ theo quy định của Bộ Y tế.
 - + Tổ chức đánh giá liều chiếu xạ cá nhân cho nhân viên bức xạ ít nhất một lần trong 3 tháng.

2.4.12. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố tràn dầu

Căn cứ: Luật BVMT năm 2014, Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg, Thông tư 53/2012/TT-BGTVT.

- Người khai thác CHK, SB có trách nhiệm xây dựng, áp dụng các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại CHK, SB.
- Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, phương tiện vận tải có nguy cơ gây ra sự cố môi trường phải lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; lắp đặt thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó; đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng tại chỗ; thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên.
- Đối với các cơ sở kinh doanh xăng, dầu chỉ có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền phải xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trình Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) xem xét, phê duyệt.

2.4.13. Bộ phận, cá nhân thực hiện công tác BVMT tại các doanh nghiệp nhà nước

Căn cứ: Nghị định 81/2007/NĐ-CP.

Các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm:

- Phân công cán bộ lãnh đạo, điều hành sản xuất, kinh doanh phụ trách và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về BVMT.

- Thành lập bộ phận chuyên môn tham mưu, giúp việc xử lý các vấn đề môi trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và của các đơn vị thành viên.

- Thành lập lực lượng chuyên trách hoặc bán chuyên trách ứng phó sự cố môi trường và định kỳ kiểm tra hoạt động của lực lượng này.

2.4.14. BVMT trong giai đoạn thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hàng không

Căn cứ quy định tại Thông tư 32/2015/TT-BGTVT.

1. Đối với chủ dự án

a. Chủ dự án phải đưa cam kết bảo vệ môi trường, các biện pháp xử lý chất thải, các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong báo cáo ĐTM hoặc KHBVMT đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận của dự án vào hồ sơ mời thầu và hợp đồng với các nhà thầu thi công xây dựng.

b. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng và phải thực hiện các công việc sau:

- Lập, phê duyệt kế hoạch quản lý môi trường của dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.9 và 2.10 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT và có công văn theo mẫu tại Phụ lục 2.11 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện ĐTM để niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của dự án trước khi khởi công xây dựng;

- Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến tới cán bộ, công nhân viên của nhà thầu các nội dung của kế hoạch quản lý môi trường và các biện pháp xử lý chất thải, các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường đối với gói thầu mà nhà thầu thi công;

- Tổ chức giám sát, đôn đốc nhà thầu thực thi các biện pháp quản lý, thu gom, xử lý chất thải (đặc biệt là chất thải nguy hại), các biện pháp giảm bụi, ồn, rung và các biện pháp ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn giao thông trong thi công xây dựng; định kỳ hàng tuần đánh giá sự tuân thủ môi trường của nhà thầu và lập, lưu trữ biên bản đánh giá theo mẫu tại Phụ lục 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGTVT;

- Định kỳ tổ chức quan trắc môi trường và tổng hợp, đánh giá, lập báo cáo về việc tuân thủ các nội dung bảo vệ môi trường của dự án theo tiến độ thi công xây dựng gửi cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM;

- Trường hợp xảy ra sự cố môi trường phải dừng hoạt động thi công, thực hiện biện pháp khắc phục và báo cáo ngay cho cơ quan phê duyệt quyết định đầu tư dự án và Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường nơi thực hiện dự án;

- Báo cáo giải trình cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM trong trường hợp dự án có thay đổi quy mô, công suất, công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong báo cáo ĐTM nhưng chưa đến mức phải lập lại báo cáo ĐTM và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM;

- Lưu trữ hồ sơ bảo vệ môi trường của dự án; hợp tác, cung cấp thông tin liên quan cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong kiểm tra, thanh tra;

- Xử lý vi phạm của nhà thầu thi công xây dựng về công tác bảo vệ môi trường trong gói thầu theo các điều khoản của hợp đồng đã ký kết.

c. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm của từng dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông theo mẫu tại Phụ lục 4 Thông tư số 32/2015/TT-BGTVT gửi trước ngày 01 tháng 12 hàng năm tới Cục Hàng không Việt Nam.

2. Đối với nhà thầu thi công xây dựng

- Nhà thầu thi công xây dựng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường và đáp ứng đầy đủ yêu cầu về bảo vệ môi trường trong hợp đồng đã ký với chủ dự án.

- Trong thi công xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện các công việc cơ bản sau:

- Tổ chức thực hiện các yêu cầu của kế hoạch quản lý môi trường của dự án và các biện pháp xử lý chất thải, các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường đối với gói thầu do nhà thầu thi công;

- Thường xuyên giám sát, đôn đốc cán bộ, công nhân viên tuân thủ thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với gói thầu trong quá trình thi công xây dựng; nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường cho người lao động;

- Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý hoặc đổ chất thải thi công rắn (như: bùn, đất đào; bùn, đất, cát, sỏi nạo vét; phế liệu, phế thải xây dựng) đúng vị trí, phương pháp và khối lượng quy định;

- Thu gom, lưu giữ rác thải sinh hoạt và hợp đồng với đơn vị vệ sinh môi trường địa phương để vận chuyển, xử lý hoặc tự xử lý theo biện pháp được quy định;

- Thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị có giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại để vận chuyển, xử lý;

- Bố trí nhà vệ sinh, thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải, công trình xử lý nước thải tạm thời trên công trường thi công, văn phòng điều hành công trường

và khu vực lán trại công nhân;

- Thực hiện các biện pháp giảm bụi, ồn, rung, các biện pháp thoát nước, chống ngập cục bộ; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thi công;

- Quản lý, bảo dưỡng, duy trì trạng thái kỹ thuật của phương tiện vận tải, phương tiện, thiết bị, máy thi công xây dựng theo đúng quy định về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; tuân thủ quy định về tải trọng phương tiện; che chắn, ngăn ngừa rò rỉ, rơi vãi gây ô nhiễm môi trường trong vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải trong suốt quá trình thi công;

- Hoàn nguyên môi trường, thu dọn vệ sinh công trường, thanh thải lòng sông, kênh sau khi hoàn thành thi công gói thầu;

- Hợp tác, cung cấp thông tin liên quan cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong kiểm tra, thanh tra.

3. Đối với nhà thầu tư vấn môi trường

- Nhà thầu tư vấn quan trắc môi trường phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; nội dung của giấy chứng nhận phải phù hợp với các nội dung quan trắc môi trường trong quá trình thi công xây dựng dự án.

- Nhà thầu tư vấn quan trắc môi trường phải tuân thủ các quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường, quy chuẩn kỹ thuật môi trường và chịu trách nhiệm trước chủ dự án và trước pháp luật về các thông tin, số liệu do mình tạo lập trong thực hiện công tác quan trắc môi trường.

2.4.15. Trách nhiệm báo cáo về công tác BVMT trong hoạt động hàng không dân dụng

Căn cứ: Thông tư 53/2012/TT-BGTVT.

- Người khai thác CHK, SB báo cáo tình hình công tác BVMT tại CHK, SB về Cục HKVN, Cảng vụ Hàng không trước ngày 30/11 hàng năm.

- Người khai thác tàu bay báo cáo tình hình công tác BVMT về Cục HKVN trước ngày 30/11 hàng năm.

- Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại CHK, SB báo cáo tình hình công tác BVMT cho Người khai thác CHK, SB trước ngày 30/10 hàng năm.

2.5. Danh mục tổng hợp các nội dung kiểm tra công tác BVMT tại CHK, SB

Stt	Nội dung kiểm tra, giám sát	Có/Không	Ghi chú	Căn cứ
I	Kiểm tra Hồ sơ, tài liệu			
01	Báo cáo ĐTM			Điều 12 - NĐ 18
02	Kế hoạch BVMT			Điều 18 - NĐ 18

03	Đề án BVMT chi tiết			Điều 3 - TT26
04	Đề án BVMT đơn giản			Điều 10 - TT26
05	Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt			Điều 16 - NĐ 38
06	Hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (đối với đơn vị có phát sinh)			Điều 30 - NĐ 38
07	Đăng ký chủ nguồn thải CTNH (đối với Chủ nguồn thải CTNH)			Điều 6 - NĐ 38 Điều 12 - TT36
08	Báo cáo quản lý CTNH định kỳ hàng năm (đối với Chủ nguồn thải CTNH)			Điều 7 - NĐ 38 Điều 7 - TT36
09	Báo cáo quản lý CTNH đột xuất (đối với Chủ nguồn thải CTNH)			Điều 7 - NĐ 38 Điều 7 - TT36
10	Chứng từ CTNH mỗi lần chuyển giao CTNH (đối với Chủ nguồn thải CTNH)			Điều 7 - NĐ 38 Điều 7 - TT36
11	Hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến quản lý CTNH (đối với Chủ nguồn thải CTNH)			Điều 7 - NĐ 38 Điều 7 - TT36
12	Hợp đồng chuyển giao CTNH với các tổ chức, cá nhân có Giấy phép xử lý CTNH hoặc Giấy phép quản lý CTNH phù hợp (đối với Chủ nguồn thải CTNH)			Điều 7 - NĐ 38 Điều 7 - TT36
13	Giấy phép xử lý CTNH hoặc Giấy phép quản lý CTNH của tổ chức, cá nhân được Chủ nguồn thải CTNH ký hợp đồng chuyển giao CTNH (đối với Chủ nguồn thải CTNH)			Điều 7 - NĐ 38 Điều 7 - TT36
14	Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (Quy mô trên 10 m ³ /ngày đêm hoặc thuộc khu vực mực nước suy giảm quá mức)			Điều 44 - Luật 07 Điều 16-NĐ 201
15	Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (Quy mô trên 5 m ³ /ngày đêm hoặc chứa hóa chất độc hại, chất phóng xạ)			Điều 37 - Luật 07 Điều 16 - NĐ201
16	Tài liệu liên quan đến thiết kế hệ thống xử lý nước thải			Điều 7, 11 - TT 53
17	Tài liệu liên quan đến việc đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của cảng			Điều 7, 11 - TT 53
18	Kế hoạch bảo vệ môi trường			Điều 6 - TT 53
19	Văn bản thành lập Tổ chức, bộ phận chuyên môn, cán bộ phụ trách về bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp Nhà nước			Điều 10 -NĐ 81
20	Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (đối với các đơn vị kinh doanh xăng dầu)			Điều 7 - QĐ 02

21	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (đối với đơn vị có sử dụng thiết bị bức xạ (máy soi chiếu an ninh...), lưu giữ chất phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng...).			Điều 5 - TT 08 Điều 18 -TT 53
22	Hồ sơ liên quan đến việc khám sức khỏe cho nhân viên bức xạ mới và định kỳ hàng năm cho nhân viên bức xạ			Điều 5 - ND 07
23	Hồ sơ liên quan đến theo dõi đánh giá liều chiếu xạ cho nhân viên bức xạ (ít nhất tổ chức đánh giá 1 lần trong 3 tháng)			Điều 5 - ND 07
24	Giấy chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ cho nhân viên bức xạ			Điều 3 - TT 34
25	Văn bản bố trí người phụ trách an toàn (với đơn vị tiến hành công việc bức xạ)			Điều 26 - Luật NLNT
26	Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn			Điều 28 - Luật NLNT
27	Kế hoạch ứng phó sự cố về an toàn bức xạ cấp cơ sở (với đơn vị tiến hành công việc bức xạ)			Điều 26 - Luật NLNT
29	Quy trình nội bộ kiểm soát việc thu gom, phân loại chất thải từ tàu bay (đối với người khai thác tàu bay)			Điều 5 – TT 53
28	Bản đồ tiếng ồn cảng hàng không, sân bay (đối với Người khai thác cảng hàng không)			Điều 8 – TT 53
30	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm của đơn vị			Điều 19 – TT 53
31	Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí			Theo ĐTM, Kế hoạch BVMT....
32	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của đơn vị thực hiện quan trắc chất lượng môi trường không khí			Nghị định 127/2014/NĐ-CP
33	Kết quả quan trắc chất lượng môi trường tiếng ồn			Theo ĐTM, Kế hoạch BVMT....
34	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của đơn vị thực hiện quan trắc chất lượng môi trường tiếng ồn			Nghị định 127/2014/NĐ-CP
35	Kết quả quan trắc chất lượng môi trường nước thải			Theo ĐTM, Kế hoạch BVMT....
36	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của đơn vị thực hiện quan trắc chất lượng môi trường nước thải			Nghị định 127/2014/NĐ-CP

37	Chủ dự án đưa cam kết bảo vệ môi trường, các biện pháp xử lý chất thải, các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong báo cáo ĐTM hoặc KHBVMT đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận của dự án vào hồ sơ mời thầu và hợp đồng với các nhà thầu thi công xây dựng			Điều 12 – TT 32
38	Chủ dự án lập, phê duyệt kế hoạch quản lý môi trường của dự án trên cơ sở chương trình quản lý và giám sát môi trường đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.9 và 2.10 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT và có công văn theo mẫu tại Phụ lục 2.11 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện ĐTM để niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của dự án trước khi khởi công xây dựng			Điều 16 - NĐ 18 Điều 10- TT 27 Điều 12 – TT 32
39	Chủ dự án tổ chức giám sát, đôn đốc nhà thầu thực thi các biện pháp quản lý, thu gom, xử lý chất thải (đặc biệt là chất thải nguy hại), các biện pháp giảm bụi, ồn, rung và các biện pháp ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn giao thông trong thi công xây dựng; định kỳ hàng tuần đánh giá sự tuân thủ môi trường của nhà thầu và lập, lưu trữ biên bản đánh giá theo mẫu tại Phụ lục 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGTVT			Điều 12 – TT 32
40	Chủ dự án định kỳ tổ chức quan trắc môi trường và tổng hợp, đánh giá, lập báo cáo về việc tuân thủ các nội dung bảo vệ môi trường của dự án theo tiến độ thi công xây dựng gửi cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM			Điều 12 – TT 32
41	Hồ sơ khác			
II	Kiểm tra hiện trường			
1	Phân loại tại nguồn CTR sinh hoạt thành 3 nhóm: Hữu cơ dễ phân hủy, tái sử dụng, tái chế và nhóm còn lại			Điều 15, 16, 17 - NĐ 38
2	Bố trí khu vực lưu trữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt phù hợp, có kích cỡ phù hợp với thời gian lưu giữ			Điều 15, 16, 17 - NĐ 38
3	Phân định, phân loại và lưu giữ CTR công nghiệp thông thường (với đơn vị có phát sinh)			Điều 29, 30 - NĐ 38

4	Phân loại CTNH theo mã CTNH (đối với chủ nguồn thải CTNH)			Điều 5 - NĐ 38 Điều 6 - TT36
5	Bao bì CTNH, thiết bị lưu chứa CTNH, khu vực lưu giữ CTNH đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại Phụ lục 2 (A) TT 36 (đối với chủ nguồn thải CTNH)			Điều 7 - NĐ 38 Điều 7 - TT36
6	Hệ thống thu gom, thoát nước thải (đảm bảo nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường)			Điều 7, Điều 11 - TT 53
7	Hệ thống xử lý nước thải (được vận hành đúng theo thiết kế và thường xuyên)			Hồ sơ về hệ thống
8	Hệ thống thoát nước được đấu nối vào mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước tập trung			Điều 30, 31 - NĐ 80
9	Chất lượng nước thải sinh hoạt (quan trắc/đánh giá cảm quan)			QCVN 14
10	Chất lượng nước thải công nghiệp (quan trắc/đánh giá cảm quan)			QCVN 40
11	Chất lượng nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (quan trắc/đánh giá cảm quan)			QCVN 29
12	Chất lượng môi trường không khí xung quanh (quan trắc/đánh giá cảm quan)			QCVN 05
13	Tiếng ồn (quan trắc/đánh giá cảm quan)			QCVN 26
14	Các khu vực khác			

***Ghi chú:**

Trong công tác kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường, tùy thuộc vào mục đích kiểm tra, đối tượng kiểm tra để lựa chọn các nội dung kiểm tra phù hợp.

CHƯƠNG III TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG SỔ TAY

Các nội dung hướng dẫn kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong Sổ tay được xây dựng dựa trên sự tham khảo công ước quốc tế và các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam hiện hành:

- Phụ lục 16 Công ước Chicago về Hàng không dân dụng quốc tế.
- **Luật** Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13, Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11.
- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13.
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13.
- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 (Luật NLNT).
- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12.
- **Nghị định** 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.
- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu (NĐ 38).
- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch BVMT, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch BVMT (NĐ 18).
- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT.
- Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ về điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 về thoát nước và xử lý nước thải (NĐ 80).
- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước (NĐ 201).
- Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT.
- Nghị định số 147/2013/NĐ-CP ngày 30/10/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.
- Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.
- Nghị định số 07/2010/NĐ-CP ngày 25/10/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử (NĐ 07).
- Nghị định số 111/2009/NĐ-CP ngày 11/12/2009 của Chính phủ quy định

về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

- Nghị định số 90/2009/NĐ-CP ngày 20/10/2009 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hóa chất.

- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 7/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 81/2007/NĐ-CP ngày 23/5/2007 của Chính phủ quy định tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước (NĐ 81).

- Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 9/4/2007 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải rắn.

- Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu (QĐ 02).

- **Thông tư** số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế, Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế.

- Thông tư số 32/2015/TT-BGTVT Ngày 24/7/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông (TT 32).

- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại (TT 36).

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đề án BVMT chi tiết, đề án BVMT đơn giản (TT 26).

- Thông tư số 03/2015/TT-BNNPTNT ngày 29/01/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam và công bố mã HS đối với thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam.

- Thông tư số 34/2014/TT-BKHCN ngày 27/11/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đào tạo an toàn bức xạ đối với nhân viên bức xạ, người phụ trách an toàn và hoạt động dịch vụ đào tạo an toàn bức xạ (TT 34).

- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại Giấy phép tài nguyên nước (TT 27).

- Thông tư số 53/2012/TT-BGTVT ngày 25/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về BVMT trong hoạt động hàng không dân dụng (TT 53).

- Thông tư số 25/2011/TT-BYT ngày 23/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban

hành danh mục hoá chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế được phép đăng ký để sử dụng, được phép đăng ký nhưng hạn chế sử dụng và cấm sử dụng tại Việt Nam.

- Thông tư số 08/2010/TT-BKHHCN ngày 22/7/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về việc khai báo, cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (TT 08).

- Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

- **Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05:2013/BTNMT về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05).**

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp (QCVN 40).

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 29:2010/BTNMT về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (QCVN 29).

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 27:2010/BTNMT ngày 16/12/2010 về độ rung.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT ngày 16/12/2010 về tiếng ồn (QCVN 26).

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 20:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 19:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2009/BTNMT về ngưỡng chất thải nguy hại.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06:2009/BTNMT về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02:2009/BYT về chất lượng nước sinh hoạt.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 14:2008/BTNMT về nước thải sinh hoạt (QCVN 14).